

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày 23 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền

Ông Hoàng Thành Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên dự khuyết

Ngày 23/11/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/ HSST ngày 10/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 30/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 13/11/2018 đối với bị cáo:

- Nguyễn Đ, sinh ngày 16/8/1976, tại huyện YL, tỉnh V; nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn N, sinh năm 1942 và bà Kim D, sinh năm 1937; vợ: Hoàng T, sinh năm 1975 và có 02 con thứ nhất sinh năm 1997, con thứ hai sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Hợp tác xã C; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Anh Nguyễn Ch, sinh năm 1969; trú tại: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng

- Anh Trần T, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 3, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Anh Lê C, sinh năm 1984; trú tại: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Ông Hoàng S - sinh năm 1964; trú tại: Thôn Tr, xã B, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Anh Hoàng K, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.
- Chị Hoàng T - sinh năm 1975; trú tại: Tổ 1, thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 07/02/2018 Nguyễn Ch, Lê C ăn cơm trưa cùng với Trần T tại nhà anh Hoàng H ở tổ 1, thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày Tp, Ch, C cùng đi trên xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, loại xe tải Pickup cabin kép, màu sơn đỏ cam, BKS 23C-04245 do T điều khiển đến nhà anh A ở tổ 2, thị trấn Y để tính tiền làm công trình. Khi đi đến km 25 + 100 Quốc lộ 279 BQ - QB, thuộc địa phận tổ 1, thị trấn Y, huyện QB, thì T nhìn thấy Nguyễn Đ đang đứng ở trước cửa nhà Đ, do trước đó T với Đ có xích mích đánh nhau nên T dừng xe đi vào tìm Đ để hỏi chuyện, Ch và C cũng vào theo. Gặp nhau T và Đ cãi chửi, thách thức nhau, hai bên xô xát đánh nhau, T tát Đ, sau đó Đ chạy vào trong nhà cầm 01 con dao có đặc điểm dài 41,5cm, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng nhựa (loại dao chặt), T dùng 01 hòn đá ném trúng trán bên trái của Đ gây thương tích cho Đ. Sau khi bị ném đá Đ cầm con dao đuổi chém T. Thấy Đ đuổi chém, T chạy lên xe ô tô BKS 23C-04245 đóng cửa lại để điều khiển xe bỏ chạy, khi T đang khởi động xe thì Đ chạy ra chỗ ô tô dùng dao chém nhiều nhát vào cánh cửa và gương chiếu hậu phía bên lái của xe, T khởi động điều khiển xe ô tô đi được khoảng 40m thì Đ vẫn cầm dao đuổi theo, khi T giảm tốc độ cho Nguyễn Ch lúc này đang chạy bộ phía sau lên xe thì Đ đuổi kịp và dùng dao chém làm vỡ kính cánh cửa bên lái xe ô tô. T tiếp tục điều khiển xe ô tô bỏ chạy được khoảng 500m, thấy Đ không đuổi theo nữa thì T điều khiển xe quay lại đi theo hướng đường lên xã TN để tìm Lê C nhưng không thấy, T lái xe quay trở lại Trung tâm huyện QB, khi qua nhà Đ khoảng 30 mét thì gặp tổ công tác Công an huyện QB yêu cầu T dừng xe để làm việc. Trong lúc xe ô tô BKS 23C-04245 dừng để làm việc với Công an huyện QB thì Nguyễn Đ cầm 01 chiếc xẻng có chiều dài 125cm, lưỡi xẻng dài 29 cm, cán xẻng dài 96 cm đi đến, dùng lưỡi xẻng đập vào kính chắn gió trước bên phải của xe ô tô gây nhiều vết vỡ rạn nứt.

Quá trình điều tra xác định được chiếc xe ô tô BKS 23C-04245 là tài sản của Hợp tác xã C, có trụ sở tại tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang do ông Nguyễn Ch là giám đốc Hợp tác xã C.

Sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QB đã tạm giữ, kiểm tra xe ô tô BKS 23C-04245, xác định chiếc xe ô tô bị hư hỏng như sau:

- Kính cửa bên lái vỡ hoàn toàn.
- Gioăng lên xuống kính cửa bên lái có 01 vết rách kích thước 6cm x 0,3cm.
- Nẹp chân kính cửa trước bên trong bên lái có nhiều vết xây xước.

- Xương kính cửa trước bên phụ có vết lõm xước sơn kích thước 1,2cm x 1,6cm.
- Xương kính chắn gió bên phụ có vết lõm xước sơn kích thước 2cm x 3cm.
- Xương cánh cửa trước bên phụ có vết lõm xước sơn kích thước 1 x 1,5cm.
- Bờ mép xương cánh cửa bên lái có vết rách lõm dạng chạt kích thước 4cm x 0,15cm, sâu sát khung.
- Vỏ nhựa gương chiếu hậu bên lái có vết xước kích thước 12cm x 0,1cm.
- Kính chắn gió phía trước bên phải có nhiều vết vỡ rạn nứt bên ngoài kích thước 85cm x 65cm (Bút lục số 40).

Tại biên bản định giá tài sản số 55/KL-HĐĐG ngày 06/3/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện QB kết luận:

Chiếc ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, loại xe tải Pickup cabin kép, màu sơn đỏ cam, BKS 23C-04245.

- Giá trị phần hư hỏng không khắc phục được cần thay mới: 16.577.000đ
- Giá trị sửa chữa phần hư hỏng có thể khắc phục được: 2.800.000đ

Tổng trị giá tài sản của ô tô bị hư hỏng: 16.577.000đ + 2.800.000đ = **19.377.000đ** (mười chín triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 09/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đ về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm e khoản 1 Điều 52, các điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ từ 8 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

Về vật chứng của vụ án và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại nhất trí với đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, mức hình phạt. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và không có yêu cầu về phần bồi thường thiệt hại.

Lời khai của bị hại, người làm chứng trùng khớp với lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra huyện QB, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện QB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 07/2/2018 do mâu thuẫn, xô xát với Trần T, Nguyễn Đ đã dùng 01 con dao có đặc điểm dài 41,5cm, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng nhựa (loại dao chặt) và 01 chiếc xẻng có chiều dài 125cm, lưỡi xẻng dài 29 cm, cán xẻng dài 96 cm chém nhiều nhát và đập vào chiếc xe ô tô BKS 23C-04245 của Hợp tác xã C do T đang điều khiển, gây hư hỏng phần khung vỏ, kính của xe ô tô với tổng trị giá thiệt hại = 19.377.000đ. Do vậy hành vi trên của bị cáo Đ đã phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm hại đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Khi T đã điều khiển xe bỏ chạy, bị cáo không dừng lại hành vi phạm tội của mình mà bị cáo tiếp tục cầm dao đuổi theo chém vào kính cửa bên lái của xe ô tô làm kính cửa bên lái vỡ hoàn toàn, đến khi chiếc xe ô tô bị yêu cầu dừng lại theo hiệu lệnh của các đồng chí Công an huyện QB, bị cáo không dừng lại mà còn tiếp tục chạy đến cầm xẻng đập vào kính chắn gió phía trước của xe ô tô trong lúc Công an huyện QB đang tiến hành lập biên bản sự việc. Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo bị coi là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng và bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Song bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do anh T, anh Ch, anh C đến nhà bị cáo xô xát với bị cáo, anh T đã tát và dùng đá ném vào trán của bị cáo, gây thương tích cho bị cáo khiến cho bị cáo bức tức, bị kích động về tinh thần, không kìm chế được bản thân nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cụ thể, ở địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, chấp hành tốt theo giấy báo, giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm chung.

Ngoài ra nội dung vụ án còn thể hiện trong lúc xô xát giữa anh T và bị cáo, anh T đã dùng 01 hòn đá ném trúng trán bên trái của bị cáo Đ gây thương tích cho Đ. Hành vi ném đá của anh T đã được cơ quan điều tra tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị hại đã thỏa thuận xong việc bồi thường thiệt hại cho việc chi phí sửa chữa chiếc xe ô tô bị hư hỏng tổng số tiền 19.377.000 đồng. Anh Ch là người đại diện theo pháp luật của bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về vật chứng: - 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, loại xe tải Pickup cabin kép, màu sơn đỏ cam, BKS 23C-04245 đã qua sử dụng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Hợp tác xã C. Quá trình điều tra cơ quan công an đã trao trả cho chủ sở hữu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- 01 con dao có chiều dài 41,5cm, phần lưỡi dao dài 29 cm, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng nhựa (loại dao chặt) của gia đình bị cáo và 01 chiếc xẻng có chiều dài 125cm, lưỡi xẻng dài 29 cm, rộng 23 cm, cán xẻng dài 96 cm, bị cáo nhặt ở đường cái không biết chủ sở hữu chiếc xẻng là ai. Con dao và chiếc xẻng này đều là công cụ phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- 01 con dao tông đã han rỉ, kích thước dài 39 cm tính cả chuôi, bản dao dài 29 cm, rộng 06 cm, chuôi dao dài 10 cm; 01 hòn đá dạng đá vôi không rõ hình kích thước 12 cm x 10 cm; 01 miếng gạch xi măng không rõ hình vết kích thước 12 cm x 8 cm; một số mảnh thủy tinh không rõ hình là những vật chứng cơ quan công an thu giữ được trong chiếc ô tô BKS 23C-04245 của Hợp tác xã C, không có giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu tiêu hủy quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm e khoản 1 Điều 52, điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: - 01 con dao có chiều dài 41,5cm, phần lưỡi dao dài 29 cm, bản rộng 6,5cm, chuôi bằng nhựa (loại dao chặt);

- 01 chiếc xẻng có chiều dài 125cm, lưỡi xẻng dài 29 cm, rộng 23 cm, cán xẻng dài 96 cm;

- 01 con dao tông đã han rỉ, kích thước dài 39 cm tính cả chuôi, bản dao dài 29 cm, rộng 06 cm, chuôi dao dài 10 cm;

- 01 hòn đá dạng đá vôi không rõ hình kích thước 12 cm x 10 cm;

- 01 miếng gạch xi măng không rõ hình vết kích thước 12 cm x 8 cm;

- Một số mảnh thủy tinh không rõ hình.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện QB, tỉnh Hà Giang ngày 10/10/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện QB;
- CA huyện QB;
- CCTHADS huyện QB;
- UBND Thị trấn Y;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hải Phương